

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHƯ PĂH  
TỈNH GIA LAI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2024/DS - ST  
Ngày: 24/01/2024  
“V/v: Tranh chấp hợp đồng vay  
tài sản”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ PĂH, TỈNH GIA LAI

**Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hòa

- Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Bình;

Ông Nguyễn Văn Trường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thuận - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chư Păh.

Ngày 24 tháng 01 năm 2024, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2023/TLST-DS, ngày 22 tháng 8 năm 2023, về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2023/QĐXXST-DS, ngày 21 tháng 12 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số: 58/2024/QĐST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1964;

Địa chỉ: Tổ dân phố C, thị trấn P, huyện C, tỉnh Gia Lai. Có mặt

- Bị đơn: Bà Phan Thị Lệ T, sinh năm 1990;

Ông Lê Hoàng N, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ: Thôn C, xã N, huyện C, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện đề ngày 15 tháng 8 năm 2023, bản tự khai, tài liệu có tại hồ sơ và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Ngày 31/8/2022, vợ chồng bà Phan Thị Lệ T và ông Lê Hoàng N có vay của bà số tiền là 370.000.000 đồng, hẹn trong vòng 30 ngày sẽ trả, về lãi suất vì là chỗ quen biết nên hai bên không thỏa thuận. Đến ngày 30/9/2022, bà T trả được 100.000.000 đồng và ngày 02/11/2022 bà T trả thêm được 50.000.000 đồng. Số tiền còn lại là 220.000.000 đồng bà T và ông N hẹn vài ngày sau sẽ trả. Tuy nhiên, sau đó bà đã đòi nhiều lần nhưng bà T và ông N không trả, vì vậy bà làm đơn khởi kiện yêu cầu bà T và ông N trả cho bà số tiền 220.000.000 đồng. Về tiền lãi suất bà yêu cầu tính lãi chậm trả theo quy định pháp luật tính từ ngày 03/11/2022 đến khi giải quyết xong.

Quá trình giải quyết vụ án đến ngày 06/10/2023, bà T có trả cho bà được 50.000.000 đồng. Vì vậy bà xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà yêu cầu bà Phan Thị Lệ T và ông Lê Hoàng N phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 170.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo quy định pháp luật tính từ ngày 03/11/2022 đến khi Tòa án giải quyết xong vụ án. Ngoài ra bà không có yêu cầu gì thêm.

*Tại bản tự khai, biên bản hòa giải bị đơn bà Phan Thị Lệ T trình bày:* Ngày 31/8/2022, vợ chồng bà có vay của bà Nguyễn Thị M số tiền 370.000.000 đồng, hạn trong vòng 30 ngày sẽ trả, lãi suất không thỏa thuận. Đến ngày 30/9/2022 bà trả được 100.000.000 đồng, ngày 02/11/2022 trả thêm được 50.000.000 đồng, tổng cộng là 150.000.000 đồng, còn nợ lại 220.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án bà có trả thêm được cho bà M 50.000.000 đồng. Số tiền còn lại là 170.000.000 đồng bà hạn đến cuối năm 2023 sẽ trả. Về tiền lãi suất: Bà đồng ý trả lãi cho bà M theo quy định pháp luật. Ngoài ra, bà Phan thị Lệ T1 không có ý kiến hay yêu cầu gì thêm.

*Tại bản tự khai bị đơn ông Lê Hoàng N trình bày:* Ông nhất trí như lời trình bày của bà T1. Ngoài ra ông không trình bày hay có yêu cầu gì thêm.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với bị đơn đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Vì vậy theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ là giấy vay tiền do nguyên đơn cung cấp thể hiện: Ngày 31/8/2022, bà Phan Thị Lệ T và ông Lê Hoàng N có vay của bà Nguyễn Thị M số tiền là 370.000.000 đồng, hạn trong vòng 30 ngày sẽ trả. Về tiền lãi suất hai bên không thỏa thuận. Đến ngày 30/9/2022, bà T trả được 100.000.000 đồng và ngày 02/11/2022 bà T trả thêm được 50.000.000 đồng. Sau đó bà M đã đòi nợ nhiều lần nhưng bà T và ông N không trả, vì vậy bà M khởi kiện yêu cầu bà T và ông N phải trả số tiền còn lại là 220.000.000 đồng và tiền lãi chậm trả theo quy định pháp luật tính từ ngày 03/11/2022 đến khi giải quyết xong.

Quá trình giải quyết vụ án bà T có trả cho bà M được 50.000.000 đồng. Vì vậy bà M xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, bà M yêu cầu bà T và ông N phải trả cho bà số tiền nợ gốc là 170.000.000 đồng. Xét việc thay đổi yêu cầu này phù hợp với quy định pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu.

Xét, giao dịch vay tiền giữa bà M với bà T và ông N được giao kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với các quy định của pháp luật dân sự nên có hiệu lực pháp luật, các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã cam kết, bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận, nên việc khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, cần được chấp nhận.

Về tiền lãi suất: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi chậm trả theo quy định pháp luật tính từ ngày 03/11/2022 đến khi Tòa án giải quyết xong. Căn cứ vào khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định nghĩa vụ trả nợ của bên vay: Trường hợp vay không có lãi mà khi đến hạn bên vay không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì bên cho vay có quyền yêu cầu trả tiền lãi với mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật này trên số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật có quy định khác. Do đó chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả lãi cho nguyên đơn:

Từ ngày 03/11/2022 đến ngày 06/10/2023 là 11 tháng 03 ngày = 333 ngày. Bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi:  $220.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 333 \text{ ngày} = 20.268.600 \text{ đồng}$ .

Từ ngày 07/10/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 24/01/2024 là 03 tháng 17 ngày = 107 ngày. Bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền lãi:  $170.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 107 \text{ ngày} = 5.032.566 \text{ đồng}$ .

Tổng tiền lãi là:  $20.268.600 \text{ đồng} + 5.032.566 \text{ đồng} = 25.301.166 \text{ đồng}$

Tổng cộng cả gốc và lãi là:  $170.000.000 \text{ đồng} + 25.301.166 \text{ đồng} = 195.301.166 \text{ đồng}$ .

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 244, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 463, 466; khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự;

- Nghị Quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M. Buộc bà Phan Thị Lệ T và ông Lê Hoàng N phải có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị M số tiền 195.301.166 đồng.

*Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật dân sự.*

2. Về án phí: Buộc bà Phan Thị Lệ T và ông Lê Hoàng N phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 9.765.058 đồng (làm tròn 9.765.000 đồng) để sung quỹ Nhà nước. Hoàn trả lại cho bà Nguyễn Thị M số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.500.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0007523 ngày 22 tháng 8 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chư Păh, tỉnh Gia Lai.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Gia Lai yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

*Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.*

*Nơi nhận:*

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND h. Chư Păh;
- THADS h. Chư Păh;
- Đương sự;
- Lưu HSVA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Thị Hòa**

